

PHƯƠNG ÁN
Sắp xếp, tổ chức lại thôn (xóm), tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và Luật sửa đổi bổ sung năm 2025;

Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới;

Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương ban hành Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về tổ chức thực hiện việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

II. SỰ CẦN THIẾT

Ngày 26/5/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 185/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 26/5/2026, quy định cụ thể về quy mô, tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; tỉnh Thái Nguyên có 92 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 77 xã và 15 phường, 3.145 thôn, tổ dân phố. Qua rà soát theo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo Nghị định số

185/2026/NĐ-CP, nhiều thôn, tổ dân phố có quy mô dân số, số hộ gia đình chưa phù hợp; nhiều thôn, tổ dân phố quy mô nhỏ, làm phát sinh nhiều đầu mối, không khai thác, phát huy nguồn lực phục vụ cho xây dựng và phát triển cộng đồng khu dân cư.

Vì vậy, việc xây dựng Phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố phù hợp với quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, yêu cầu quản lý của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và thực tiễn địa phương là yêu cầu cấp thiết nhằm:

- Tạo căn cứ thống nhất để Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng Đề án chi tiết, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định theo thẩm quyền.

- Bảo đảm việc sắp xếp thôn, tổ dân phố đánh giá đầy đủ, toàn diện; góp phần tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả quản lý địa bàn, chất lượng hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; đồng thời giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn truyền thống đoàn kết, bản sắc văn hóa và tên gọi tốt đẹp của cộng đồng dân cư.

- Đồng bộ các phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; kiện toàn tổ chức đảng, Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ hòa giải, tổ công nghệ số cộng đồng và các tổ tự quản khác.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Chỉ thị số 21/CT-TTg; định hướng tổng thể về nguyên tắc, tiêu chí, phạm vi, lộ trình, kết quả và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

b) Làm căn cứ để Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố hoặc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

c) Xác định phương án dự kiến về số lượng thôn, tổ dân phố sau sắp xếp; việc kiện toàn tổ chức hệ thống chính trị ở cơ sở; bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; quản lý tài sản, tài chính, nhà văn hóa, dữ liệu, hồ sơ hành chính.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng, sự quản lý thống nhất của chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ, quyền tham gia ý kiến, quyền giám sát của Nhân dân.

b) Việc sắp xếp phải đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, hồ sơ theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, có giải trình, có hồ sơ, dữ liệu chứng minh.

c) Sắp xếp thôn, tổ dân phố phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định, có xem xét đến các yếu tố đặc thù; gắn với phương án bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách; sắp xếp tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị xã hội, quản lý tài sản, bảo đảm sau sắp xếp không để gián đoạn công tác lãnh đạo, quản lý, tuyên truyền, vận động Nhân dân, nắm tình hình cơ sở, bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống thiên tai, vệ sinh môi trường, tiếp cận dịch vụ công và các nhiệm vụ do cấp xã giao.

d) Bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Kế hoạch số 226/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. HIỆN TRẠNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Về số lượng

Toàn tỉnh hiện có 3.145 thôn, tổ dân phố, trong đó:

- Khu vực nông thôn thuộc các xã: 2.351 thôn, xóm.

- Khu vực đô thị thuộc các phường: 794 tổ dân phố.

- Tổng số hộ: 433.407 hộ, trong đó khu vực nông thôn 280.229 hộ, khu vực đô thị 153.178 hộ.

2. Hiện trạng về quy mô số hộ

Theo kết quả rà soát cập nhật đến ngày 31/5/2026:

- Số đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP: 659 thôn, tổ dân phố, chiếm 20,95%.

- Số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP: 2.486 thôn, tổ dân phố, chiếm 79,05%.

V. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ SẮP XẾP

1. Nguyên tắc chung

a) Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan; đúng thẩm quyền.

b) Sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chuẩn để tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã và chất lượng tự quản của cộng đồng dân cư, phù hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, mở rộng không gian, chia sẻ kinh nghiệm phát triển và giao thoa văn hóa giữa các cộng đồng dân cư .

c) Sắp xếp theo nguyên tắc liền kề, thuận lợi cho việc đi lại, tổ chức không gian sinh hoạt văn hóa, sinh hoạt cộng đồng, hội họp, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ cho nhân dân. Hạn chế chia tách một cộng đồng dân cư ổn định để ghép vào nhiều thôn, tổ dân phố khác nhau, trừ trường hợp cần thiết và được Nhân dân đồng thuận.

d) Tên gọi thôn, tổ dân phố sau sắp xếp phải ngắn gọn, dễ nhớ, dễ nhận diện, phù hợp truyền thống lịch sử, văn hóa, nguyện vọng của Nhân dân; hạn chế tối đa việc đặt tên gây nhầm lẫn, trùng lặp hoặc làm mất bản sắc cộng đồng.

e) Việc sắp xếp phải gắn với kiện toàn các tổ chức Đảng, đoàn thể, các tổ chức khác ở thôn, tổ dân phố, các chức danh ở thôn, tổ dân phố; thực hiện chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; sử dụng, xử lý tài sản, tài liệu theo đúng quy định.

2. Tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, tỉnh Thái Nguyên thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc, tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình như sau:

- Thôn, xóm: có từ 150 hộ gia đình trở lên.
- Tổ dân phố: có từ 300 hộ gia đình trở lên.

Đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù, có thể xem xét quy mô thấp hơn tiêu chuẩn nêu trên theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Phạm vi sắp xếp

Thực hiện trên toàn bộ địa bàn tỉnh Thái Nguyên, gồm 92 đơn vị hành chính cấp xã (77 xã và 15 phường).

Phạm vi rà soát, sắp xếp gồm toàn bộ 3.145 thôn, tổ dân phố hiện có, bao gồm:

- Thôn, xóm thuộc xã.
- Tổ dân phố thuộc phường.
- Khu dân cư, cụm dân cư mới hình thành, khu tái định cư, khu dân cư chưa đủ điều kiện thành lập đơn vị độc lập.
- Thôn có yếu tố đặc thù, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn.
- Thôn, xóm thuộc địa bàn có định hướng đô thị hóa, dự kiến thành lập phường hoặc chuyển đổi mô hình quản lý trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Định hướng sắp xếp

Dự kiến sau sắp xếp:

- Dự kiến số thôn, tổ dân phố giữ ổn định: 177.
- Dự kiến số thôn, tổ dân phố sắp xếp, tổ chức lại: 2.926.
- Dự kiến số thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù có quy mô số hộ thấp hơn quy định: 42.
- Số thôn, tổ dân phố dự kiến giảm sau sắp xếp: 1.729.
- Dự kiến số thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp: 1.416.
- Tỷ lệ giảm khoảng: 55%.

2.1. Các thôn giữ ổn định

a) Đã đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình, có địa giới, tên gọi, nhà văn hóa, thiết chế cộng đồng, tổ chức hệ thống chính trị ổn định, không có yêu cầu điều chỉnh.

b) Chưa đạt tiêu chuẩn nhưng có yếu tố đặc thù rõ ràng, được thuyết minh đầy đủ, việc sắp xếp có thể gây khó khăn lớn trong quản lý, sinh hoạt cộng đồng, bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc làm phát sinh phức tạp ở cơ sở.

c) Thuộc khu vực đang thực hiện quy hoạch, bồi thường, tái định cư, di dân, bố trí dân cư hoặc dự kiến chuyển đổi đơn vị hành chính, chuyển đổi loại hình trong thời gian ngắn, thật sự cần thiết phải giữ ổn định tạm thời.

2.2. Các thôn cần sắp xếp, tổ chức lại

Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn và có điều kiện sáp nhập với đơn vị liền kề, bảo đảm sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình, trừ các trường hợp có yếu tố đặc thù.

2.3. Đối với thôn, tổ dân phố cần giải thể (nếu có)

Giải thể thôn, tổ dân phố trong các trường hợp cần thiết do thay đổi yếu tố địa lý, địa hình, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc thực hiện phương án bồi thường, tái định cư, di dân, bố trí dân cư.

2.4. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố

Đổi tên thôn, tổ dân phố trong các trường hợp:

- a) Trùng tên trong cùng đơn vị hành chính cấp xã.
- b) Tên gọi chưa thống nhất với quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc cần đính chính theo hồ sơ pháp lý.
- c) Tên gọi chưa phù hợp sau khi sắp xếp, tổ chức lại, chuyển đổi loại hình.
- d) Có nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và được cộng đồng dân cư đồng thuận.

(Phương án cụ thể theo từng xã, phường thực hiện tại Phụ lục số 01 kèm theo).

VII. PHƯƠNG ÁN KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

1. Kiến toàn tổ chức hệ thống chính trị ở thôn, tổ dân phố

Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Đảng ủy, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và cơ quan liên quan khác xây dựng phương án để quyết định theo thẩm quyền việc kiến toàn đồng bộ:

a) Tổ chức đảng thôn, tổ dân phố.

b) Ban Công tác Mặt trận.

c) Các tổ chức chính trị - xã hội.

d) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

đ) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

e) Tổ hòa giải, tổ công nghệ số cộng đồng, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ tự quản khác.

Trong thời gian chuyển tiếp, nếu chưa bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chỉ định lâm thời theo quy định để bảo đảm hoạt động liên tục, không để khoảng trống quản lý.

2. Bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc bố trí:

a) Căn cứ số lượng, chức danh, tiêu chuẩn, điều kiện theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và quy định của tỉnh.

b) Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ của thôn, tổ dân phố và tình hình đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở địa phương.

c) Ưu tiên lựa chọn người có uy tín, phẩm chất đạo đức tốt, sức khỏe, kinh nghiệm, năng lực vận động Nhân dân, am hiểu địa bàn, có khả năng sử dụng công nghệ thông tin, tham gia chuyển đổi số cộng đồng, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

d) Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, không để phát sinh khiếu nại, bức xúc.

3. Giải quyết chế độ, chính sách

Đối với người không tiếp tục tham gia sau sắp xếp, Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách, rà soát quá trình công tác, chức danh, mức phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đối tượng được hưởng chính sách, nguồn kinh phí chi trả; ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí bảo đảm giải quyết đầy đủ, kịp thời, đúng quy định, đồng thời gửi báo cáo về Sở Nội vụ, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

Nội dung tổng hợp gồm:

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách hiện có.
- Số tiếp tục bố trí sau sắp xếp.
- Số không tiếp tục tham gia.
- Số đề nghị giải quyết chế độ, chính sách.
- Nhu cầu kinh phí dự kiến.
- Nguồn kinh phí.
- Thời gian chi trả.
- Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị (nếu có).

VIII. PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ TÀI SẢN, TÀI CHÍNH, NHÀ VĂN HÓA VÀ DỮ LIỆU

1. Nhà văn hóa, thiết chế cộng đồng

Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát toàn bộ nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao, trang thiết bị, tài sản tại các thôn, tổ dân phố thuộc diện sắp xếp; nguyên tắc chung là bố trí để sử dụng toàn bộ thiết chế văn hóa hiện có của các thôn, tổ dân phố trước sắp xếp để phục vụ nhân dân của thôn, tổ dân phố mới sau sắp xếp và lập phương án:

- a) Nhà văn hóa được sử dụng làm nơi sinh hoạt chính của thôn, tổ dân phố sau sắp xếp.
- b) Nhà văn hóa giữ làm điểm sinh hoạt cụm dân cư, nhất là địa bàn dân cư phân tán, khoảng cách xa.
- c) Nhà văn hóa cần đề xuất phương án sửa chữa, nâng cấp, xây mới hoặc bố trí địa điểm sinh hoạt tạm thời.

2. Tài sản, tài chính, quỹ cộng đồng

Đối với tài sản, tài chính, quỹ cộng đồng của thôn, tổ dân phố thuộc diện sắp xếp, thực hiện kiểm kê, công khai, bàn giao, tiếp nhận theo nguyên tắc:

- a) Đầy đủ hồ sơ, biên bản, chữ ký đại diện các bên liên quan.
- b) Công khai trước Nhân dân.
- c) Bảo đảm không thất thoát, không tranh chấp, không làm mất quyền lợi của cộng đồng dân cư.
- d) Trường hợp có khoản đóng góp của Nhân dân, quỹ cộng đồng, công trình do Nhân dân đóng góp, phải xác định rõ nguồn gốc, mục đích, phương án tiếp tục quản lý, sử dụng.

3. Hồ sơ, dữ liệu, giấy tờ

Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án chỉ đạo bàn giao, cập nhật:

- a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dữ liệu hộ gia đình.
- b) Hồ sơ địa chính, bản đồ, ranh giới thôn, tổ dân phố.
- c) Mã định danh, địa chỉ hành chính, tên gọi thôn, tổ dân phố.
- d) Hồ sơ đảng viên, đoàn viên, hội viên, người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc, tôn giáo.
- đ) Hương ước, quy ước.
- e) Dữ liệu nhà văn hóa, thiết chế cộng đồng, tài sản công, công trình phúc lợi.
- g) Hồ sơ liên quan đến người hoạt động không chuyên trách, phụ cấp, bảo hiểm, chế độ, chính sách.

IX. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đến trước ngày 31/5/2026

- a) Các xã, phường hoàn thành rà soát, chuẩn hóa số liệu hiện trạng thôn, tổ dân phố, người hoạt động không chuyên trách, tài sản, nhà văn hóa, dữ liệu dân cư.
- b) Gửi phương án dự kiến sắp xếp về Sở Nội vụ để tổng hợp.
- c) Hoàn thành việc kết thúc hoạt động đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Trước ngày 05/6/2026

Sở Nội vụ tổng hợp, phân loại, thẩm định sơ bộ phương án của các xã, phường; làm việc với các địa phương có nhiều đơn vị chưa đạt tiêu chuẩn, có yếu tố đặc thù, có nguy cơ phát sinh phức tạp hoặc cần xin ý kiến chuyên ngành.

3. Trước ngày 10/6/2026

Sở Nội vụ hoàn thiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ theo yêu cầu.

4. Từ khi Phương án được ban hành đến trước ngày 25/6/2026

Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ Phương án của tỉnh để xây dựng Đề án chi tiết; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; tiếp thu, giải trình; hoàn thiện hồ sơ, phụ lục, bản đồ, phương án nhân sự, phương án tài sản, phương án chế độ, chính sách.

5. Trước ngày 30/6/2026

Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, thông qua Nghị quyết về thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố hoặc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua.

6. Sau khi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã có hiệu lực

- a) Công bố Nghị quyết đến Nhân dân.

b) Kiện toàn tổ chức, nhân sự, người hoạt động không chuyên trách.

c) Bàn giao hồ sơ, tài sản, tài chính, nhà văn hóa, dữ liệu.

d) Cập nhật cơ sở dữ liệu dân cư, hồ sơ địa chính, hồ sơ đảng, đoàn thể, hương ước, quy ước.

đ) Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ.

7. Trước ngày 05/7/2026

Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện toàn tỉnh, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền.

X. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo hàng tuần trước 15 giờ 00 phút thứ Năm về Sở Nội vụ.

2. Nội dung báo cáo gồm:

a) Tổng số thôn, tổ dân phố hiện có.

b) Số chưa bảo đảm tiêu chí.

c) Số thuộc diện sắp xếp.

d) Số có yếu tố đặc thù đề xuất chưa sắp xếp hoặc sắp xếp theo lộ trình.

đ) Số đã xây dựng Đề án.

e) Số đã lấy ý kiến Nhân dân.

g) Số đã được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua.

h) Số đã hoàn thành sắp xếp.

i) Dự kiến số lượng giảm sau sắp xếp, số lượng còn lại sau sắp xếp.

k) Phương án bố trí, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách.

l) Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị.

3. Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh vào thứ Sáu hàng tuần; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện theo Mục IV Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

XII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện theo Mục III Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

XIII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị các bộ, ngành Trung ương hướng dẫn việc cập nhật dữ liệu dân cư, địa chỉ hành chính, hồ sơ đất đai, tài sản công, chế độ chính sách, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với các trường hợp chịu tác động sau sắp xếp.

2. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện; xem xét ban hành hoặc điều chỉnh các chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh để bảo đảm đồng bộ với Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền, vận động, giám sát, tạo đồng thuận trong Nhân dân, nhất là ở các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo.

Yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiêm túc, khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo trực tiếp về Sở Nội vụ và cơ quan, đơn vị liên quan để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
 - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
 - Đảng ủy các xã, phường;
 - UBND các xã, phường;
 - LĐVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NC.
- Huyenmtt\Phuongan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vương Quốc Tuấn